

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/DSPT

Ngày: 13-5-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các Thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**.

Ông **Mai Xuân Thành**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2019/TLPT-DS ngày 16-12-2019 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DSST ngày 22-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 502/2020/QĐ-PT ngày 23-4-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Đặng Thanh L, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bà Đặng Thị Hương L; địa chỉ cư trú: tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

3. Bà Đặng Thị Kim L1, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

4. Bà Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

5. Ông Đặng Quang K, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà L1, bà T và ông K (Giấy ủy quyền ngày 10-11-2016, ngày 14-11-2016 và ngày 16-01-2017):

Ông **Đặng Thanh L**, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Bị đơn:

Ông **Lê Viết Đ**, sinh năm 1946; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị Như T; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

2. Chị Lê Thị Như T; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. Anh Lê Như T; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

4. Chị Lê Thị Như P; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

5. Anh Lê Như P; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T, chị T, anh T, chị P và anh P (Giấy ủy quyền ngày 14-9-2018, ngày 17-9-2018 và ngày 06-3-2020):

Ông **Lê Viết Đ**, sinh năm 1946; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

6. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đ P - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ủy ban nhân dân thị xã H; địa chỉ: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc S - Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thanh B - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã,

2. Ông Phùng Đ, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1942; địa chỉ cư trú: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Lê Thúc D, sinh năm 1950; địa chỉ cư trú: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Phùng Hữu N, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ông Lê Viết T, sinh năm 1935; địa chỉ cư trú: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Châu Viết M, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông Đặng Thanh L đề nghị triệu tập thẩm người làm chứng là các ông, bà:

8. Ông Lê Viết H (Đ), sinh năm 1941; địa chỉ cư trú: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

9. Ông Ngô Hữu L, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

10. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1939; địa chỉ cư trú: thành phố H, có mặt
Ông Lê Viết Đ đề nghị triệu tập thêm người làm chứng là:

11. Ông Phùng Hữu T, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn là ông Đặng Thanh L đại diện trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 425, tờ bản đồ số 3, diện tích 855 m², tại phường T, thành phố H (nay là số 32/72, K, tổ 10, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) là do bố, mẹ của ông là cụ Đặng Quang M (chết năm 1987) và cụ Phùng Thị H (chết năm 1997) tạo lập. Ngày 14-10-1990, Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây viết tắt là UBND) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố, mẹ ông đối với thửa đất nêu trên.

Khoảng năm 1972, bố ông (cụ M) cho gia đình cụ Đặng Thị T (là chị gái của cụ M) đi lại trong phần đất của gia đình mình, nhưng sau đó con rể của cụ T là ông Lê Viết Đ lợi dụng lúc bố ông già yếu đã xây dựng một bức bình phong ngăn cách giữa hai thửa đất. Nay, diện tích đất mà gia đình ông đang sử dụng bị thiếu so với diện tích đất đã được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông khởi kiện, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Hương L, bà Đặng Thị Kim L1, bà Đặng Thị Thanh T và ông Đặng Quang K (đều là con của cụ Đặng Quang M) khởi kiện yêu cầu ông Lê Viết Đ và những người đang ở trên diện tích đất trả lại quyền sử dụng đất đã lấn chiếm từ bức bình phong (ngăn cách giữa hai thửa đất) vào bức tường nhà ông Lê Viết Đ có diện tích khoảng 80 m²; đồng thời, yêu cầu ông Lê Viết Đ phải tháo dỡ các vật kiến trúc trên diện tích đất.

- Bị đơn là ông Lê Viết Đ trình bày:

Nguồn gốc thửa đất ông đang sử dụng là do cụ Đặng Thị T (chết năm 2005) cho ông và vợ là bà Nguyễn Thị S (chết năm 2010) xây dựng nhà để ở cùng với cụ T từ năm 1972 cho đến nay. Khi xây dựng nhà, ông đã xây bức bình phong ngăn cách ở trước mặt nhà, sau đó gia đình ông và gia đình cụ Đặng Quang M đi chung 1 cửa ngõ trước bức bình phong do ông xây dựng. Quá trình sinh sống, ông lát sân, trồng rau màu, làm đẹp bức bình phong. Đến năm 1985, gia đình ông xây một cổng đi vào có cửa sắt kiên cố trên vị trí hai gia đình đi chung, việc này gia đình cụ M biết và không có ý kiến gì.

Năm 1990, UBND thành phố H có chủ trương lấy phường T, thành phố H làm thí điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn dân, do đó cả hai gia đình đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không đúng với hiện trạng. Theo Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2004, thì gia đình ông thực tế sử dụng là 182 m² nhưng ông lại được cấp 100 m², gia đình cụ Đặng Quang M thực tế sử dụng 674 m². Nay, ông được biết vào năm 1990, cụ M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 855 m² là không đúng với thực tế sử dụng, vì diện tích nhà và đất của ông sử dụng ổn định từ năm 1972 cho đến nay. Vì vậy, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn; đồng thời, đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất đã cấp cho cụ Đặng Quang M và điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông theo đúng hiện trạng sử dụng (*tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Viết Đ rút yêu cầu, không đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Đặng Quang M, đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông (Đ) và cụ M đúng thực tế sử dụng đất*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày:

Hiện nay, UBND thành phố H, các đơn vị trực thuộc UBND thành phố H, Trung tâm Công nghệ thông tin - Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đất đai thành phố H không có hồ sơ lưu trữ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đặng Quang M đối với thửa đất số 425, tờ bản đồ số 3, phường T, thành phố H (nay là địa chỉ số 32/72 K, tổ 10, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế). UBND thành phố H cho rằng tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện kích thước các cạnh mà chỉ thể hiện hình thể của thửa đất. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Ủy ban nhân dân thị xã H trình bày:

Sau khi xã T được tách khỏi thành phố H và sáp nhập vào huyện H, thì UBND thành phố H không bàn giao hồ sơ lưu trữ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 trường hợp nêu trên cho huyện (nay là thị xã) H, nên hiện nay không có hồ sơ lưu trữ tại thị xã. Chỉ còn hồ sơ đo vẽ hai thửa đất vào năm 2004.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 31-01-2018, Hội đồng định giá tài sản xác định: đất vườn theo giá Nhà nước là 670.000 đồng/m² (chưa nhân hệ số điều chỉnh), giá thị trường tại thời điểm định giá là 3.500.000 đồng/m². Theo bản vẽ địa chính khu đất, thì hộ nhà cụ Đặng Quang M đang thực tế sử dụng là 674,2 m², diện tích đất ông Lê Viết Đ đang sử dụng là 117,4 m²; diện tích đất đang tranh chấp là 65,2 m² (bao gồm thửa đất có ký hiệu là 477 và 478).

- Về tài sản trên đất, trên đất tranh chấp có:

+ Một bình phong nằm trước nhà ông Lê Viết Đ khối lượng 0,64 m³, kết cấu xây khô có tô trát và sơn, giá thành xây dựng là 700.000 đồng/m³, giá trị còn lại khoảng 40%, thành tiền giá 179.000 đồng.

+ Một hàng rào nằm trước nhà ông Lê Viết Đ khối lượng 0,58 m³ kết cấu xây khô có chừa lan thoáng gió đã tô trát và sơn, giá thành xây dựng là 600.000 đồng/m³, giá trị còn lại khoảng 40%, thành tiền giá 139.000 đồng.

+ Một trụ cổng nằm trước nhà ông Lê Viết Đ khối lượng 0,305 m³ kết cấu trụ xây khô, cao 1,4 m có tô trát và sơn, giá thành xây dựng là 2.067.000 đồng, giá trị còn lại khoảng 40%, thành tiền giá 252.000 đồng.

+ Một sân bê tông nằm giữa hai nhà diện tích 3 m² kết cấu sân đổ bê tông xỉ, giá thành xây dựng là 190.000 đồng/m², giá trị còn lại khoảng 40%, thành tiền là 228.000 đồng.

+ Một mái tôn nằm giữa vùng ranh giới hai nhà diện tích 3 m² kết cấu mái che khung sắt, lợp tôn, giá thành xây dựng là 400.000 đồng/m², giá trị còn lại khoảng 40%, thành tiền giá 480.000 đồng.

+ Một sân bê tông nằm trước nhà ông Lê Viết Đ diện tích 54,4 m² kết cấu sân đổ bê tông xi, lợp tôn, giá thành xây dựng là 190.000 đồng/m², giá trị còn lại khoảng 40%, thành tiền giá 4.134.000 đồng.

+ Một mái che nằm trước nhà ông Lê Viết Đ diện tích 30,6 m² kết cấu khung sắt, lợp tôn, giá thành xây dựng là 400.000 đồng/m², giá trị còn lại khoảng 40%, thành tiền giá 4.896.000 đồng.

+ Một am to, giá thành xây dựng là 1.200.000 đồng, giá trị còn lại khoảng 40%, thành tiền giá 480.000 đồng.

+ Một am nhỏ, giá thành xây dựng là 900.000 đồng, giá trị còn lại khoảng 40%, thành tiền giá 360.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DSST ngày 22-10-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:

Căn cứ Điều 255 và Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đặng Thanh L; ông Đặng Quang K; bà Đặng Thị Kim L1; bà Đặng Thị Thanh T; bà Đặng Thị Hương L yêu cầu ông Lê Viết Đ phải trả lại 65,2 m² thuộc thửa đất số 425^b tờ bản đồ số 3, phường T, thành phố H, nay là số 34/72, K, tổ 10, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 31-10-2019, ông Đặng Thanh L kháng cáo bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Ông Đặng Thanh L cho rằng: Nguồn gốc thửa đất số 425, tờ bản đồ số 3, diện tích 855 m², tại phường T, thành phố H (nay là số 32/72, K, tổ 10, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) là do bố, mẹ của ông là cụ Đặng Quang M và cụ Phùng Thị H tạo lập. Khoảng năm 1972, bố ông cho gia đình chị gái là cụ Đặng Thị T đi lại trong phần đất của gia đình mình, nhưng sau đó ông Lê Viết Đ (con rể của cụ T) lợi dụng lúc bố ông già yếu đã xây dựng một bức bình phong ngăn cách giữa hai thửa đất. Nay, diện tích đất mà gia đình ông đang sử dụng bị thiếu so với diện tích đã được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông Lê Viết Đ và những người đang ở trên diện tích đất này trả lại quyền sử dụng đất đã lấn chiếm từ bức bình phong (ngăn cách giữa hai thửa đất) vào bức tường nhà ông Lê Viết Đ có diện tích là 65,2 m² và phải tháo dỡ các vật kiến trúc trên diện tích đất này, nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Ngày 31-10-2019, ông Đặng Thanh L kháng cáo, đơn kháng cáo của ông L là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản

án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện; bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp kháng cáo của nguyên đơn. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Thanh L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Đặng Thanh L:

[2.1]. Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp:

Diện tích đất hiện đang tranh chấp nằm trong thửa đất số 425^b, tờ bản đồ số 3, tại phường T, thành phố H (nay là số 34/72, K, tổ 10, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) có nguồn gốc do cụ Đặng Quang M (chết năm 1987) và cụ Đặng Thị T (chết năm 2005) cùng sử dụng. Năm 1972, cụ T cho vợ chồng con ruột của mình là bà Nguyễn Thị S (chết năm 2010) và ông Lê Viết Đ xây dựng nhà ở cùng với cụ. Ngày 14-10-1990, UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đặng Quang M đối với thửa đất số 425, tờ bản đồ số 3, diện tích 855 m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Viết Đ đối với thửa đất số 425^b, tờ bản đồ số 3, diện tích 100 m²; cả hai thửa đất đều thuộc phường T, thành phố H (nay là số 32/72 và số 34/72, K, tổ 10, phường T, thị xã H). Như vậy, quá trình sử dụng đất, các bên đương sự đều sử dụng liên tục, ổn định và không ai có yêu cầu hoặc khiếu nại gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng đất và xây dựng nhà.

[2.2]. Về diện tích đất tranh chấp:

Năm 1972, cụ Đặng Thị T cho con gái là bà Nguyễn Thị S và con rể ông Lê Viết Đ một diện tích đất để xây dựng nhà ở. Khi xây dựng nhà, ông Đ đã xây bức bình phong ngăn cách ở trước mặt nhà để làm ranh giới, sau đó gia đình ông Đ và gia đình cụ Đặng Quang M cùng đi chung một cửa ngõ trước bức bình phong do ông Đ xây dựng. Quá trình sinh sống, ông Đ tiến hành lát sân, trồng rau màu, làm đẹp bức bình phong. Đến năm 1985, gia đình ông Đ xây một cổng đi vào có cửa sắt kiên cố trên vị trí hai gia đình đi chung. Như vậy, việc vợ chồng ông Lê Viết Đ, bà Nguyễn Thị S xây dựng bức bình phong để làm ranh giới, cụ M và các thành viên trong gia đình đều biết và không có ai có ý kiến phản đối gì. Các bên đương sự và chính quyền địa phương, cũng như những người làm chứng đều thừa nhận ranh giới nhà và đất giữa hai thửa đất đã có từ năm 1972, gia đình ông Lê Viết Đ sử dụng liên tục, ổn định từ năm 1972 cho đến nay. Do đó, nguyên đơn cho rằng ông Lê Viết Đ lấn chiếm đất của gia đình ông và khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả lại diện tích 65,2 m² đất là không có căn cứ.

[2.3]. Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố H cấp cho cụ Đặng Quang M và ông Lê Viết Đ đối với thửa đất số 425 và thửa đất số 425^b tờ bản đồ số 3, thuộc phường T, thành phố H (nay là số 32/72 và số 34/72, K, tổ 10, phường T, thị xã H):

Qua đo đạc thực tế, hiện nay hai thửa đất trên có chênh lệch diện tích, cụ thể: Thửa đất đã cấp cho cụ Đặng Quang M có diện tích là 647,2 m², nhỏ hơn so với diện tích đất đã được cấp là 207,8 m² (855 m² - 647,2 m²); thửa đất đã cấp cho ông Lê

Viết Đ có diện tích là 182,6 m² lớn hơn so với diện tích đã được cấp là 82,6 m² (182,6 m² - 100 m²). Tuy nhiên, hiện nay UBND thành phố H và UBND thị xã H đều không còn lưu trữ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai hộ gia đình; đồng thời, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện kích thước các cạnh, mà chỉ thể hiện hình thể của thửa đất. Nếu cộng theo số học, thì tổng diện tích của hai thửa đất hiện nay cũng không đủ diện tích 855 m² đất như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Đặng Quang M. Mặc dù, diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Đặng Quang M và ông Lê Viết Đ không đúng với thực tế, nhưng đây chỉ là căn cứ để xác định thời điểm sử dụng đất của các đương sự và không ai có yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bên đương sự đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế là đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của ông Đặng Thanh L đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Đặng Thanh L phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Thanh L.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DSST ngày 22-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Căn cứ các Điều 255, 256, 265 và 266 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 163, 164, 165, 166 và 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đặng Thanh L; ông Đặng Quang K; bà Đặng Thị Kim L1; bà Đặng Thị Thanh T; bà Đặng Thị Hương L yêu cầu ông Lê Viết Đ phải trả lại 65,2 m² thuộc thửa đất số 425^b tờ bản đồ số 3, thuộc phường T, thành phố H, nay là số 34/72, K, tổ 10, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Đặng Thanh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/005568 ngày 11-11-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế nay được chuyển thành án phí; ông Đặng Thanh L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế
- TANDTC - Vụ II;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Cường